

Bản án số 79/2026/HNGĐ -ST
Ngày 30/3/2026
Về việc: tranh chấp ly hôn
và con chung .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chấn
Ông Nguyễn Tiến Chính.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên

Ngày 30/3/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2025/TLST- HNGĐ ngày 13/10/2025, về việc “ Tranh chấp Ly hôn và con chung ”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/01/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thùy L**, sinh ngày 17/3//1995(Vắng mặt).

Số CCCD: 025195006347

Nơi cư trú: **Khu F, xã Y, tỉnh Phú Thọ.**

Hiện đang sinh sống tại Đà Loan(Trung Quốc)

Bị đơn: Anh **Phạm Văn M**, sinh ngày 17/03/1991(Vắng mặt).

Số CMND:122025370

Nơi cư trú: **Thôn D, xã C, tỉnh Bắc Ninh.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Bùi Thị Kim T**, sinh năm 1963(Vắng mặt)

Nơi cư trú: **Khu F, xã T, tỉnh Phú Thọ**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị **Trần Thị Thùy L** trình bày: Chị **L** và anh **M** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L,

tỉnh Bắc Giang, nay là xã C, tỉnh Bắc Ninh năm 2019. Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó thì mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng hay cãi nhau nên hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, sau đó vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế, mỗi người sống một nơi. Nay chị L thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn anh M.

Về con chung: Chị L và anh M có 01 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 22/10/2021, hiện đang sống với mẹ chị L là bà Bùi Thị Kim T nuôi dưỡng: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tạm giao cháu Phạm Gia H cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh M1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L đang ở nước ngoài nên đề nghị vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn M2 vắng mặt tại phiên tòa, không tham gia tố tụng, không trình bày gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Kim T tại Biên bản ghi lời khai trình bày: Bà T là mẹ chị L, hiện đang trông nom chăm sóc cháu Phạm Gia H. Chị L và anh M2 ly hôn thì bà T tự nguyện nhận chăm sóc, trông nom cháu H đến khi chị L về nước. Bà T không yêu cầu gì khác.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 104, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân; Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thùy L được ly hôn với anh Phạm Văn M.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, do chị L đang làm việc ở nước ngoài nên tạm giao cháu H cho bà T chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi chị L về Việt Nam. Về vấn đề cấp

dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết. Anh **M** được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở quyền này.

- Về án phí: Chị **L** phải chịu án phí 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Việc xét xử vắng mặt chị **L** nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt, anh **M** không có mặt tại phiên tòa nhưng đã được tổng đạt các văn bản tố tụng trong vụ án đúng trình tự, thủ tục. Do vậy việc xét xử vắng mặt chị **L**, anh **M** là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[1.2]. Quan hệ hôn nhân: Chị **L** và anh **M** có đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **V**, huyện **L**, tỉnh **Bắc Giang**, nay là xã **C**, tỉnh **Bắc Ninh** nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị **L** là có căn cứ cần xem xét giải quyết theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị **L** trình bày mâu thuẫn vợ chồng do không hợp nhau, không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng hiện ly thân đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế, mỗi người sống một nơi, bỏ mặc nhau sống. Nay chị **L** yêu cầu ly hôn thì anh **M** cũng không có ý kiến gì, không tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy Tòa án nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **L** và anh **M** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị **L** được ly hôn anh **M**.

[2.3]. Về con chung: Chị **L** và anh **M** có 01 con chung là **Phạm Gia H**, sinh ngày 22/10/2019, hiện đang sống với mẹ chị **L** là bà **Bùi Thị Kim T**; Chị **L** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tạm giao bà **T** trông nom, chăm sóc cháu **Phạm Gia H** thì anh **M** không ý kiến gì; bà **T** cũng tự nguyện trông nom, chăm sóc cháu **Phạm Gia H**. Do vậy cần giao cháu **Phạm Gia H** cho chị **L** nuôi dưỡng, đồng thời tạm giao bà **Bùi Thị Kim T** trông nom chăm sóc cháu **Phạm Gia H** đến khi chị **L** nhập cảnh về nước.

[2.4]. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Chị **L**, anh **M** không yêu cầu nên không giải quyết.

Căn cứ nội dung trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 và 58, 81, 82, 83, Điều 104 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 26, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Thùy L** và anh **Phạm Văn M** được ly hôn

2.Về con chung: Giao chị **Trần Thị Thùy L** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Phạm Gia H**, sinh ngày 22/10/2019, tạm giao bà **Bùi Thị Kim T** trông nom, chăm sóc cháu **Phạm Gia H** đến khi chị **L** nhập cảnh về nước. Anh **M** được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

4.Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị **L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001549 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự: Anh **M** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Chị **L** có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa

Nguyễn Tiến Chính Nguyễn Văn C

Nguyễn Văn K